UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 727/STNMT-QLĐĐ
V/v kết quả thực hiện các chính sách di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh tỉnh Điện Biên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 10 tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Văn bản số 2376/UBND-KTN ngày 27 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh về việc báo cáo kết quả thực hiện các chính sách di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo với các nội dung như sau:

I- Kết quả thực hiện thu hồi, giao đất

1. Các dự án thủy điện Sơn La

Thực hiện thu hồi đất vùng ngập lòng hồ tại thị xã Mường Lay và đất bố trí tái định cư cho dự án tại địa bàn các huyện, thị xã, thành phố với diện tích **3.321,7ha** và thực hiện giao đất cho **4.193** hộ gia đình, cá nhân với diện tích **402,81ha.**

(Chi tiết kèm theo Biểu 01)

2. Các dự án thủy điện, thủy lợi vừa và nhỏ

Ngoài Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La, tính đến nay trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 09 dự án thủy điện đã thực hiện thu hồi, giao đất để triển khai thực hiện dự án; các dự án công trình thủy điện trên chủ yếu là công trình vừa và nhỏ với số hộ và diện tích đất đai bị ảnh hưởng không lớn, chủ yếu sử dụng đất lòng hồ sông suối, đất chưa sử dụng và đất nông nghiệp; các hộ dân bị thu hồi đất thực hiện di vén ổn định tại chỗ không phải bố trí tái định cư, kết đã thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho 23 dự án với diện tích sử dụng đất **1.152,73 ha.**

(Chi tiết kèm theo Biểu 02)

II- Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và sự phối hợp thực hiện của các cấp, các ngành, việc triển khai và tổ chức thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và các cơ chế, chính sách đền bù, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy điện, thủy lợi cơ bản đã hoàn thiện và đúng quy định của pháp luật đất đai.

2. Một số tồn tại hạn chế

- Cơ chế chính sách thay đổi liên tục, việc cập nhật tại cơ sở chưa kịp thời;

- Các công trình thủy điện thu hồi diện tích đất sản xuất nông nghiệp, trong khi đó việc tìm quỹ đất để khai hoang, phục hóa tạo quỹ đất sản xuất nông nghiệp để giao cho các hộ tái định cư nông nghiệp tại điểm tái định cư rất khó khăn, hoặc

có quỹ đất sản xuất nông nghiệp nhưng chất lượng đất xấu không đảm bảo phát triển sản xuất, ổn định đời sống;

- Người dân tái định cư là đồng bào dân tộc thiểu số có thói quen, lối sống, phương thức sản xuất lạc hậu bước đầu chưa thích nghi với môi trường sinh sống, và phương thức sản xuất mới nơi tái định cư mới, khó chuyển đổi nghề nghiệp để ổn định đời sống.

III- Đề xuất, kiến nghị

1. Hiện nay do các điểm tái định cư trên địa bàn tỉnh khó khăn và hạn chế về đất sản xuất, diện tích để khai hoang là rất hạn chế, chi phí đầu tư lớn. Do vậy, để đảm bảo cho người dân sinh sống đồng thời có diện tích đất sản suất nông nghiệp cho các hộ khó khăn sau tái định cư đề nghị các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ xem xét áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để khai hoang tạo quỹ đất sản xuất, nâng cao năng xuất cây trồng;

2. Để phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của các hộ tái định cư và các hộ sở tại, đồng thời góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng tái đinh cư, đề nghị Thủ tương Chính phủ cho phép đầu tư một số công trình hạ tầng liên vùng, bổ sung thêm các cơ chế chính sách đặc thù;

3. Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động sản xuất nông nghiệp và tạo thị trường bao tiêu sản phẩm nông nghiệp đảm bảo ổn định đời sống cho hộ tái định cư.

Trên đây là tổng hợp báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thực hiện các chính sách di dân, tái định cư dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo sở;
- Chi cục QLĐĐ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bùi Châu Tuấn

Biểu 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HỒI, GIAO ĐẤT THUỘC DỰ ÁN DI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Văn bản số 721/STNMT-QLĐĐ ngày 10/9/2018 của Sở TN&MT)

Đơn vị tính: ha

Số TT	CÁC LOẠI ĐẤT	THU HỒI ĐẤT			GIAO ĐẤT	
		Tổng cộng	Vùng ngập lòng hồ *(Nơi đi-đến)*	Tại các khu, điểm tái định cư *(Nơi đi - đến)*	Diện tích *(trong đó đất phi nông nghiệp đất ở)*	Số hộ
	Tổng số	**3321.7**	**2785.85**	**535.85**	**402.81**	**4,193**
	Đất nông nghiệp	2377.6	1916.05	461.55	316.24	1,391
	Đất phi nông nghiệp	684.31	671.3	67.61	86.57	4,193
	Đất chưa sử dụng	205.2	198.5	6.70		
1	**Huyện Tủa Chùa**	**1623.65**	**1289.65**	**334**	**202.49**	**707**
	Đất nông nghiệp	1370.55	1067.85	302.7	188.5	350
	Đất phi nông nghiệp	54.6	23.3	31.3	13.99	357
	Đất chưa sử dụng	198.5	198.5			
2	**Huyện Mường Chà**	**460.41**	**393.71**	**66.7**	**26.62**	**400**
	Đất nông nghiệp	431.56	364.86	66.7	15.12	200
	Đất phi nông nghiệp	28.85	28.85		11.5	200
	Đất chưa sử dụng					
3	**Huyện Mường Nhé**	**87.8**		**87.8**	**75.5**	**74**
	Đất nông nghiệp	74		74	74	37
	Đất phi nông nghiệp	7.1		7.1	1.48	37
	Đất chưa sử dụng	6.7		6.7		
4	**Thành phố Điện Biên phủ**	**47.36**		**47.36**	**14.91**	**1,498**
	Đất nông nghiệp	18.15		18.15		
	Đất phi nông nghiệp	29.21		29.21	14.91	1,498
	Đất chưa sử dụng					
5	**Thị xã Mường Lay**	**1102.49**	**1102.49**		**83.29**	**2,905**
	Đất nông nghiệp	483.34	483.34		38.6	804
	Đất phi nông nghiệp	619.15	619.15		44.69	2,101
	Đất chưa sử dụng					

Biểu 02

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HỒI, GIAO ĐẤT THUỘC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN, THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Văn bản số 127/STNMT-QLĐĐ ngày 10/9/2018 của Sở TN&MT)

Đơn vị tính: ha

STT	CÁC DỰ ÁN	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG	ĐỊA ĐIỂM
I	**DỰ ÁN THỦY ĐIỆN**	**743.81**	
1	Thủy điện Nậm Pay	14.19	xã Nà Tòng, huyện Tuần Giáo
2	Thủy điện Trung Thu	239.33	xã Trung Thu, Sính Phình, Mường Báng, huyện Tủa Chùa; xã Pa Ham, Nậm Nèn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên
3	Thủy điện Sông Mã 3	33.64	xã Phì Nhừ và Mường Luân, huyện Điện Biên Đông
4	Thủy điện Long Tạo	76.84	xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo; xã Huổi Mí, huyện Mường Chà
5	Thủy điện Nậm Mu 2	15.73	xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo
6	Thủy điện Nậm Mức	212.84	xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo
7	Thủy điện Nậm He	12.37	xã Mường Tùng, huyện Mường Chà
8	Thủy điện Nậm Núa	77.18	xã Pa Thơm, huyện Điện Biên
9	Thủy điện Huổi Vang	61.68	xã Mường Mươn, huyện Mường Chà
II	**DỰ ÁN THỦY LỢI**	**408.92**	
1	Thủy lợi Huổi Luân	0.56	xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay
2	Thủy nông Huổi Phán	2.52	xã Lay Nưa, TX Mường Lay
3	Thủy lợi Bản Đớ	15.81	phường Na Lay, TX Mường Lay
4	Thủy lợi Huổi Rống	25.20	xã Na Ư, huyện Điện Biên
5	Hồ chứa nước Na Hươm	48.85	xã Mường Nhà, huyện Điện Biên
6	Thủy lợi Nậm Khẩu Hu	88.37	xã Thanh Nưa và Nà Nhạn, huyện Điện Biên
7	Thủy lợi Nậm Núa	29.05	xã Mường Nhà, huyện Điện Biên

STT	CÁC DỰ ÁN	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG	ĐỊA ĐIỂM
8	Thủy lợi Huổi Un	22.14	xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên
9	Hồ chứa nước Nậm Ngám	149.52	xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông
10	Thủy lợi Nậm Pố	0.91	xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé
11	Thủy lợi Nậm Là	12.46	xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé
12	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Huổi Phạ	1.19	phường Him Lam, xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ
13	Thủy lợi bản Hiệu	11.06	xã Chiềng Sinh, huyện tuần Giáo
14	Thủy lợi Mường Lạn	1.29	xã Mường Lạn, huyện Mường Ảng
23		**1,152.73**	